

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CL  
TỈNH BT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 205/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 09/6/2021

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL, TỈNH BT**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đoàn Minh Tư .

2. Bà Ngô Thị Thương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL, tỉnh BT tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2021 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/5/2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* **Bà Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp M, xã PS, huyện CL, tỉnh BT.

*Bị đơn:* **Ông Hồ Văn Hoàng S**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp M, xã PS, huyện CL, tỉnh BT.

Bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông S vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 19/01/2021, văn bản trình bày ý kiến ngày 16/4/2021 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Bà T và ông Hồ Văn Hoàng S tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PS, huyện CL, tỉnh BT vào ngày 27/02/2002. Sau khi kết hôn, bà T và ông S sống hạnh phúc đến năm 2005 thì xảy ra mâu thuẫn do ông S thường xuyên uống rượu, không lo làm ăn, không phụ bà T chăm lo gia đình, không quan tâm đến bà T. Sau khi uống rượu, ông S còn đập phá đồ đạc trong nhà làm cho gia đình không được hạnh phúc. Bà T có khuyên ông S nhiều lần và ông S hứa khắc phục khuyết điểm nhưng vẫn không thay đổi. Đến nay bà T nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể kéo dài, mục

đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông S. Bà T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà T và ông S không có con chung.

Về tài sản chung: Bà T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T trình bày không có.

Ngày 16/4/2021, bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến của đương sự ngày 07/5/2021, bị đơn ông S trình bày:

Về hôn nhân: ông S không đồng ý ly hôn với bà T vì hiện nay ông và bà T vẫn sống chung nhà, ông có phụ bà T công việc mua bán hàng ngày. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông S với bà T là do thỉnh thoảng ông S có uống rượu về cãi nhau với bà T, ông S có đập đồ trong nhà nhưng thiệt hại không lớn. Ông S còn tình cảm với bà T nên không đồng ý ly hôn, muốn đoàn tụ cùng nhau xây dựng gia đình.

Về con chung: ông S và bà T không có con chung.

Về tài sản chung: ông S và bà T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật và chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện chưa đúng quy định tại Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông S.

Về con chung: bà T và ông S trình bày không có.

Về tài sản chung: bà T và ông S trình bày không có.

Về nợ chung: bà T và ông S trình bày không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Hồ Văn Hoàng S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T, ông S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy bà T và ông S tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã PS, huyện CL, tỉnh BT vào ngày 27/02/2002. Hôn nhân của ông bà là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Bà T cho rằng sau khi kết hôn, ông bà sống hạnh phúc đến năm 2005 thì xảy ra mâu thuẫn do

ông S thường xuyên uống rượu không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình. Tại biên bản ghi nhận ý kiến của đương sự ngày 07/5/2021, ông S cũng thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông S với bà T do ông S thỉnh thoảng có uống rượu về cãi nhau với bà T, ông S có đập đồ trong nhà nhưng thiệt hại không lớn. Bà T xác định đã không còn tình cảm với ông S nên xin được ly hôn với ông S. Điều này cũng phù hợp biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 29/3/2021 của Tòa án. Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: "... Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình...". Đối chiếu với quy định trên thì giữa bà T và ông S đã có xảy ra mâu thuẫn, gia đình không còn hạnh phúc, tình nghĩa vợ chồng không còn. Đối với ông S, từ khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải cho ông S nhưng ông S vẫn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Qua đó cũng thể hiện việc ông S không mong muốn được hòa giải đoàn tụ, hàn gắn hạnh phúc gia đình. Mặc dù tại biên bản ghi nhận ý kiến của đương sự ngày 07/5/2021, ông S không đồng ý ly hôn với bà T, ông S cho rằng còn tình cảm với bà T nhưng ông S không đưa ra hướng khắc phục khuyết điểm, hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà T. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông S đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T là phù hợp với qui định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Ghi nhận việc bà T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

[3] Về con chung: bà T và ông S trình bày không có con chung.

[4]. Về tài sản chung: Bà T và ông S trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Bà T và ông S trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

[1]. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T đối với ông Hồ Văn Hoàng S. Bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với ông Hồ

Văn Hoàng S. Ghi nhận việc bà T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

[2] Về con chung: bà T và ông S trình bày không có con chung.

[3]. Về tài sản chung: Bà T và ông S trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về nợ chung: Bà T và ông S trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu số tiền là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0004608 ngày 28/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, BT. Bà T đã nộp đủ án phí.

[6]. Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Hồ Văn Hoàng S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh BT xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh BT;
- VKSND huyện CL;
- CCTHADS huyện CL;
- UBND xã PS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Nguyễn Thị Tuyết Nga**